

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

SỔ GIAO DỊCH CHUNG KHOẢN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 4789
	Giờ: Ngày 4 tháng 8 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		947,423,974,386	914,828,473,655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	135,993,042,752	209,967,674,177
1. Tiền	111		79,993,042,752	151,967,674,177
2. Các khoản tương đương tiền	112		56,000,000,000	58,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		67,253,651,142	15,300,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	67,253,651,142	15,300,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		277,196,951,137	333,781,035,976
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	268,499,001,158	313,778,577,707
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	9,313,758,788	18,850,212,538
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1,658,109,878	1,152,245,731
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,273,918,687)	-
IV. Hàng tồn kho	140		435,862,757,157	334,239,891,853
1. Hàng tồn kho	141	V.7	449,056,772,676	355,061,759,269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(13,194,015,519)	(20,821,867,416)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31,117,572,198	21,539,871,649
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	886,347,866	608,820,078
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24,589,165,687	10,315,619,657
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	678,251,556	1,496,010,723
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	4,963,807,089	9,119,421,191

J

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		629,981,981,058	601,428,190,243
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		593,678,669,190	569,140,010,538
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	539,941,286,877	514,833,994,879
<i>Nguyên giá</i>	222		700,556,563,781	640,505,272,657
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(160,615,276,904)	(125,671,277,778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	41,070,535,626	34,915,377,050
<i>Nguyên giá</i>	228		42,284,056,101	35,878,937,301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,213,520,475)	(963,560,251)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	12,666,846,687	19,390,638,609
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10,000,000	10,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,000,000	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		36,293,311,868	32,278,179,705
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	16,478,331,631	17,594,333,935
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	3,661,935,753	2,613,223,603
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	16,153,044,484	12,070,622,167
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,577,405,955,444	1,516,256,663,898

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		685,474,650,787	839,364,459,048
I. Nợ ngắn hạn	310		465,067,767,764	628,513,866,675
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	209,711,980,523	399,402,059,691
2. Phải trả người bán	312	V.19	180,191,293,089	168,013,169,506
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	2,124,021,225	1,195,641,514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	22,957,511,515	21,899,615,883
5. Phải trả người lao động	315	V.22	23,170,702,992	24,042,250,476
6. Chi phí phải trả	316	V.23	1,293,330,805	1,148,887,790
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	4,406,254,174	4,004,047,564
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	21,212,673,441	8,808,194,251
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		220,406,883,023	210,850,592,373
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	218,838,544,693	209,822,118,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	1,568,338,330	1,028,473,680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		856,183,978,619	642,319,399,270
I. Vốn chủ sở hữu	410		856,183,978,619	642,319,399,270
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	362,702,100,000	325,680,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	191,808,000,000	92,448,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.28	(4,565,345,205)	861,407,971
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.28	136,774,604	136,774,604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	306,102,449,220	223,193,216,695
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		35,747,326,038	34,572,805,580
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,577,405,955,444	1,516,256,663,898

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)		1,958,296.34	4,864,228.68	
Euro (EUR)		426.95	432.41	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
 QUÝ II NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	793,601,418,283	742,223,683,043	1,477,092,671,242	1,435,135,384,911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	334,123,094	2,576,922,433	931,412,213	9,551,533,004
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	793,267,295,189	739,646,760,610	1,476,161,259,029	1,425,583,851,907
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	656,057,282,954	587,966,004,108	1,222,858,178,261	1,175,016,860,537
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137,210,012,235	151,680,756,502	253,303,080,768	250,566,991,370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	10,926,426,369	16,965,542,961	33,765,661,440	27,963,105,913
7. Chi phí tài chính	22	VL4	15,187,648,178	29,814,143,961	35,746,816,543	58,962,760,333
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,856,410,051	12,134,886,002	23,587,454,346	29,297,722,898
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	35,421,375,142	40,835,511,913	94,411,437,369	73,861,577,723
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	15,534,772,392	10,831,548,641	26,402,807,802	16,695,579,616
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		81,992,642,892	87,165,094,948	130,507,680,494	129,010,179,611
11. Thu nhập khác	31	VL7	476,965,761	1,782,121,151	1,579,842,226	3,234,549,530
12. Chi phí khác	32	VL8	35,287,120	3,822,839,687	133,542,970	4,127,912,521
13. Lợi nhuận khác	40		441,678,641	(2,040,718,536)	1,446,299,256	(893,362,991)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết kinh doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82,434,321,533	85,124,376,412	131,953,979,750	128,116,816,620
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	13,816,663,384	6,989,791,510	23,505,976,173	11,785,149,546
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1,390,488,708	4,606,489,728	(1,048,712,150)	4,606,489,728
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67,227,169,441	73,528,095,174	109,496,715,727	111,725,177,346
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1,055,771,801	5,459,697,816	1,639,348,757	8,602,059,348
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		66,171,397,640	68,068,397,358	107,857,366,970	103,123,117,998
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	1,849	2,269	3,069	3,437



Đồng Tháp, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng

Trương Thị Mỹ Khanh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		131,953,979,750	128,116,816,620
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	35,269,674,387	31,232,013,628
- Các khoản dự phòng	03		(5,353,933,210)	(13,949,221,159)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	3,772,368,000	17,887,993,990
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,905,276,645)	3,667,881,074
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23,587,454,346	29,297,722,898
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		187,324,266,628	196,253,207,051
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26,008,984,377	(109,756,343,366)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(92,717,034,894)	88,811,983,331
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7,846,132,275	62,679,444,723
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		838,474,516	(3,087,775,015)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(23,591,604,463)	(31,677,483,730)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(21,131,658,627)	(6,689,058,963)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		764,950,000	81,346,781
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3,856,505,255)	(1,298,762,080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		81,486,004,557	195,316,558,732
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(50,721,047,002)	(31,389,240,794)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	65,000,000	30,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(53,063,696,835)	(2,800,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,110,045,693	180,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,900,211,824	7,839,450
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(100,709,486,320)	(33,971,401,344)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	126,960,000,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18, V.26	325,392,356,135	1,020,566,147,999
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(507,629,504,007)	(1,028,486,018,656)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25,850,000)	(15,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(55,302,997,872)	(7,934,870,657)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(74,526,479,635)	153,410,286,731
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	209,967,674,177	20,826,093,565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		551,848,210	(3,959,027,704)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	135,993,042,752	170,277,352,592

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 8 năm 2010



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng




Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ II NĂM 2010

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 24.968
	Giờ: Ngày 25 tháng 8 năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý II năm 2010 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ), Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).
- Tổng số các công ty con** : 2
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	3371, Gostetter-rd, San Jose, California 95132, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền quốc gia mà Công ty mẹ đang hoạt động.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 - 5 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 6 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí tư vấn

Chi phí tư vấn được phân bổ trong 18 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty con có đồng tiền hạch toán khác với tiền Đồng Việt Nam được chuyển đổi như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010.
- Doanh thu và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
30/06/2010 : 18.544 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.388.790.404	1.941.192.023
Tiền gửi ngân hàng	76.604.252.348	150.026.482.154
Các khoản tương đương tiền (*)	56.000.000.000	58.000.000.000
Cộng	<u>135.993.042.752</u>	<u>209.967.674.177</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	55.863.696.835	2.800.000.000
Cho ông Phan Ngọc Ân vay	11.389.954.307	12.500.000.000
Cộng	<u>67.253.651.142</u>	<u>15.300.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	104.234.959.398	148.701.382.211
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	83.300.287.422	86.027.809.662
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	80.963.754.338	79.049.385.834
Cộng	<u>268.499.001.158</u>	<u>313.778.577.707</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	4.648.318.088	15.912.029.425
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	4.665.440.700	2.938.183.113
Cộng	<u>9.313.758.788</u>	<u>18.850.212.538</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	458.161.600	1.096.768.193
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	314.119.942	55.477.538
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	885.828.336	-
Cộng	<u>1.658.109.878</u>	<u>1.152.245.731</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Khoản dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) do khách hàng bị phá sản.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	67.393.275.335	259.157.628
Nguyên liệu, vật liệu	99.911.556.119	70.069.896.138
Công cụ, dụng cụ	2.347.664.018	2.004.874.353
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	171.254.519.006	111.911.030.281
Thành phẩm	107.202.457.396	170.791.254.700
Hàng hóa	351.699.828	25.546.169
Hàng gửi đi bán	595.600.973	-
Cộng	<u>449.056.772.675</u>	<u>355.061.759.269</u>

Một số nguyên vật liệu có giá trị 40.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay nợ của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	-	265.435.081
Thành phẩm	13.194.015.519	20.556.432.335
Cộng	<u>13.194.015.519</u>	<u>20.821.867.416</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

J

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	20.821.867.416
Hoàn nhập dự phòng	(7.627.851.897)
Số cuối kỳ	13.194.015.519

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	393.174.578	1.345.203.971	(852.030.683)	886.347.866
Chi phí sửa chữa	215.645.500	-	(215.645.500)	-
Cộng	608.820.078	1.345.203.971	(1.067.676.183)	886.347.866

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa.

J

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	4.391.506.289	8.565.632.491
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	572.300.800	553.788.700
Cộng	4.963.807.089	9.119.421.191

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	245.668.821.886	381.529.678.645	11.779.335.758	1.527.436.368	640.505.272.657
Mua sắm mới	1.100.000.000	1.643.996.054	400.000.000	270.029.086	3.414.025.140
Đầu tư xây dựng hoàn thành	26.562.982.723	28.897.091.477	1.866.122.062	-	57.326.196.262
Chênh lệch tỷ giá Thanh lý, nhượng bán	845.438.586	-	-	8.210.128	853.648.714
Giảm do nhà cung cấp giảm giá bán	-	(76.513.000)	-	-	(76.513.000)
	-	(1.466.065.992)	-	-	(1.466.065.992)
Số cuối kỳ	274.177.243.195	410.528.187.184	14.045.457.820	1.805.675.582	700.556.563.781
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.458.142.921	24.344.629.623	381.243.810	173.260.395	26.357.276.749
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.351.429.138	101.067.873.527	3.584.492.890	667.482.223	125.671.277.778
Khấu hao trong kỳ	8.203.774.157	25.583.447.910	1.044.011.988	188.480.108	35.019.714.163
Chênh lệch tỷ giá Thanh lý,	10.567.979	-	-	3.598.101	14.166.080
	-	(16.577.821)	-	-	(16.577.821)

J

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

8

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
nhượng bán					
Giảm do nhà cung cấp giảm giá bán	-	(73.303.296)	-	-	(73.303.296)
Số cuối kỳ	28.565.771.274	126.561.440.320	4.628.504.878	859.560.432	160.615.276.904
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	225.317.392.748	280.461.805.118	8.194.842.868	859.954.145	514.833.994.879
Số cuối kỳ	245.611.471.921	283.966.746.864	9.416.952.942	946.115.150	539.941.286.877
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 352.732.443.837 VND và 248.451.990.841 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.275.891.501	603.045.800	35.878.937.301
Mua trong kỳ	6.258.868.800	146.250.000	6.405.118.800
Số cuối kỳ	41.534.760.301	749.295.800	42.284.056.101
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	126.500.596	126.500.596
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	612.648.913	350.911.338	963.560.251
Khấu hao trong kỳ	190.930.704	59.029.520	249.960.224
Số cuối kỳ	803.579.617	409.940.858	1.213.520.475
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	34.663.242.588	252.134.462	34.915.377.050
Số cuối kỳ	40.731.180.684	339.354.942	41.070.535.626

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 22.568.847.901 VND và 21.765.268.285 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

J

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	1.860.216.476	2.017.832.062	(3.878.048.538)	-
XDCB dở dang	17.530.422.133	48.584.572.278	(53.448.147.724)	12.666.846.687
Công trình nhà xưởng số 1	14.065.351.190	38.094.585.522	(43.416.732.874)	8.743.203.838
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	99.944.530	-	2.020.515.780
Chi phí đào ao nuôi cá	992.567.852	5.464.568.033	(5.121.338.816)	1.335.797.069
Các chi phí xây dựng dở dang khác	551.931.841	4.925.474.193	(4.910.076.034)	567.330.000
Cộng	19.390.638.609	50.602.404.340	(57.326.196.262)	12.666.846.687

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	7.033.940.516	5.221.502.721	(2.972.557.022)	-	9.282.886.215
Tiền thuê đất	10.377.366.961	-	(272.727.270)	(3.003.065.871)	7.101.573.820
Chi phí khác	183.026.458	-	(89.154.862)	-	93.871.596
Cộng	17.594.333.935	5.221.502.721	(3.334.439.154)	(3.003.065.871)	16.478.331.631

Một số công cụ dụng cụ có nguyên giá 2.836.802.000 VND và giá trị còn lại 1.010.111.236 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Số đầu năm	2.613.223.603
Phát sinh trong kỳ	3.661.935.753
Hoàn nhập trong kỳ	(2.613.223.603)
Số cuối kỳ	3.661.935.753

17. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	197.711.980.523	355.168.735.691
- Vay Ngân hàng Hồng Kông và Thương Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	43.926.067.271	-
- Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	102.921.918.195	276.252.854.450
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(c)	50.863.995.057	78.915.881.241
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	12.000.000.000	44.233.324.000
Cộng	209.711.980.523	399.402.059.691

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động của công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho và các khoản phải thu của công ty với trị giá 40.000.000.000 VND.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.
- (c) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, bột và mỡ cá. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	355.168.735.691	312.148.298.135	-	(467.396.180.007)	(2.208.873.296)	197.711.980.523
Vay dài hạn đến hạn trả	44.233.324.000	-	8.000.000.000	(40.233.324.000)	-	12.000.000.000
Cộng	399.402.059.691	312.148.298.135	8.000.000.000	(507.629.504.007)	(2.208.873.296)	209.711.980.523

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	105.299.866.688	103.544.659.164
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	74.888.644.801	64.026.648.629
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	2.781.600	441.861.713
Cộng	180.191.293.089	168.013.169.506

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Khách hàng trong nước	835.213.225	1.020.327.068
Các Khách hàng ngoài nước	1.288.808.000	175.314.446
Cộng	2.124.021.225	1.195.641.514

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	30.579.380	-	30.579.380
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.114.854.235	8.047.622.991	(8.439.315.010)	723.162.216
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(1.496.010.723)	1.600.990.225	(783.231.058)	(678.251.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.473.339.655	23.505.976.173	(21.131.658.627)	19.847.657.201
Thuế thu nhập cá nhân	95.657.597	866.949.582	(633.410.036)	329.197.144
Thuế nhà đất	-	267.151.189	(267.151.189)	-
Các loại thuế khác	3.215.764.396	3.000.000	(1.191.848.822)	2.026.915.573
Cộng	20.403.605.160	34.322.269.540	(32.446.614.742)	22.279.259.959

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến, mỡ cá	5%
Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu, ...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 và khoản trích lương tháng 13 phải trả công nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	442.902.463	447.052.580
Chi phí khác	850.428.342	701.835.210
Cộng	<u>1.293.330.805</u>	<u>1.148.887.790</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.508.825.907	1.196.106.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	434.865.428	577.514.590
Bảo hiểm thất nghiệp	10.445.069	-
Cổ tức phải trả	45.400.000	71.250.000
Các khoản phải trả khác	2.406.717.770	2.159.176.600
Cộng	<u>4.406.254.174</u>	<u>4.004.047.564</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	8.808.194.251
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	15.526.034.445
Tăng khác	764.950.000
Chi quỹ trong kỳ	(3.856.505.255)
Giảm khác	(30.000.000)
Số cuối kỳ	<u>21.212.673.441</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**26. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ^(a)	148.333.224.693	143.822.118.693
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(b)	70.505.320.000	66.000.000.000
Cộng	<u>218.838.544.693</u>	<u>209.822.118.693</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng lãi suất Sibor 6 tháng + lãi suất biên USD cho khoản vay bằng USD và lãi suất cho vay dài hạn VND công bố trừ 0,5% cho khoản vay bằng VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 3 và phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất của khu đất 21.581,2 m² xây dựng nhà máy và khu đất 8.790m².

(b) Các khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với lãi suất thỏa thuận theo từng lần nhận nợ để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Dự án đầu tư lắp đặt 2 dây chuyền sản xuất thức ăn thủy sản và một số hạng mục công trình xây lắp. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	12.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	195.210.984.000
Trên 5 năm	23.627.560.693
Tổng nợ	<u>230.838.544.693</u>

Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	209.822.118.693
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	13.244.058.000
Chênh lệch tỷ giá	3.772.368.000
Số kết chuyển	(8.000.000.000)
Số cuối kỳ	<u>218.838.544.693</u>

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.028.473.680
Số trích lập trong kỳ	623.430.650
Số chi trong kỳ	(83.566.000)
Số cuối kỳ	<u>1.568.338.330</u>

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	325.680.000.000	92.448.000.000	861.407.971	136.774.604	223.193.216.695	642.319.399.270
Chênh lệch tỷ giá hối đoái			(5.426.753.176)			(5.426.753.176)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

13

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	27.600.000.000	99.360.000.000				126.960.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	9.422.100.000				(9.422.100.000)	
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước					(15.526.034.445)	(15.526.034.445)
Lợi nhuận trong kỳ					107.857.366.970	107.857.366.970
Số dư cuối kỳ	362.702.100.000	191.808.000.000	(4.565.345.205)	136.774.604	306.102.449.220	856.183.978.619

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.942.210	39.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.270.210	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.270.210	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.270.210	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.270.210	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.477.092.671.242	1.435.135.384.911
- Doanh thu bán hàng hóa	280.828.208.485	234.408.821.386
- Doanh thu bán thành phẩm	1.025.183.253.222	1.097.428.242.288
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.889.171	21.231.608
- Doanh thu nguyên vật liệu	16.973.395.278	2.067.813.383
- Doanh thu phụ phẩm	154.068.925.086	101.209.276.246
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(931.412.213)	(9.551.533.004)
- Giảm giá hàng bán	(97.123.445)	(85.725.420)
- Hàng bán bị trả lại	(834.288.768)	(9.465.807.584)
Doanh thu thuần	1.476.161.259.029	1.425.583.851.907
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	280.823.525.917	232.639.075.453
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.024.256.523.577	1.089.673.479.487

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	38.889.171	21.231.608
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	16.973.395.278	2.067.813.383
- Doanh thu thuần phụ phẩm	154.068.925.086	101.182.251.976
2. Giá vốn hàng bán		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	256.953.923.750	225.668.913.071
Giá vốn của thành phẩm	831.838.358.378	882.274.372.897
Giá vốn của nguyên vật liệu	15.279.000.275	1.955.285.681
Giá vốn của phụ phẩm	126.414.747.755	79.067.510.047
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.627.851.897)	(13.949.221.159)
Cộng	1.222.858.178.261	1.175.016.860.537
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	996.115.991	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	412.951.103	349.894.652
Lãi cho vay	904.095.833	7.839.450
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	1.862.535.422	2.356.208.441
Lãi bán hàng trả chậm	5.644.539.569	3.559.661.340
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	317.164.633
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.945.423.522	21.372.337.397
Cộng	33.765.661.440	27.963.105.913
4. Chi phí tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	23.587.454.346	29.297.722.898
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.772.368.000	18.205.158.623
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.386.994.197	11.459.878.812
Cộng	35.746.816.543	58.962.760.333
5. Chi phí bán hàng		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.210.265.331	1.466.430.422
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.720.919	5.200.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.315.890	23.490.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.580.271.823	54.758.673.785
Chi phí bằng tiền khác	28.529.863.406	17.607.783.024
Cộng	94.411.437.369	73.861.577.723

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.575.899.156	5.585.550.228
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	272.171.372	453.107.658
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.617.286.627	692.498.766
Thuế, phí và lệ phí	275.251.570	200.666.112
Chi phí dự phòng	2.271.107.933	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.952.417.287	1.270.551.448
Chi phí bằng tiền khác	11.438.673.857	8.493.205.404
Cộng	26.402.807.802	16.695.579.616

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	65.000.000	30.000.000
Nhận hàng khuyến mãi	226.899.792	3.032.482.282
Các khoản khác	1.287.942.434	172.067.248
Cộng	1.579.842.226	3.234.549.530

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	59.935.179	3.705.720.524
Các khoản khác	73.607.791	422.191.997
Cộng	133.542.970	4.127.912.521

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	107.857.366.970	103.123.117.998
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	107.857.366.970	103.123.117.998
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	35.144.476	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.069	3.437

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Các giao dịch không bằng tiền**

Công ty có các giao dịch không bằng tiền như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế số tiền là 9.422.100.000 VND.

Số dư công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	31.563.174.784	33.680.308.269
Ứng trước mua tài sản cố định	1.123.823.414	12.941.458.177

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành		
Bán hàng hóa	85.820.563	121.666.607
Mua nguyên liệu	15.027.266.150	11.192.309.300
Các cá nhân có liên quan		
Bán hàng hóa	191.566.063	289.625.020
Mua nguyên vật liệu, dịch vụ	12.933.191.700	18.047.326.800

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	1.551.178.366	1.473.813.981
Các cá nhân có liên quan	2.012.315.000	258.842.500
Cộng nợ phải thu	3.563.493.366	1.732.656.481

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 2.342.084.000 VND (kỳ trước là 1.386.149.948 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Mua hàng hóa, dịch vụ	210.977.578.117	111.608.314.980
Bán nguyên liệu, hàng hóa	2.483.930.954	23.565.340.981
Bán thành phẩm	108.525.514.015	66.989.240.528
Thanh lý phương tiện, vận tải	-	30.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải thu tiền bán hàng	41.994.099.200	4.970.225.400
Cộng nợ phải thu	41.994.099.200	4.970.225.400
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	38.243.282.274	22.811.800.508
<i>Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	1.281.184.200
Cộng nợ phải trả	38.243.282.274	24.274.857.221

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV. 15). Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của tiền và các khoản nợ ngắn hạn là 5.992.019.156 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí như kỳ trước.

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 8 năm 2010



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc